

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (HSG: HOSE)

Ngày báo cáo: 17/06/2025
Ngành: THÉP
TPPT: Nguyễn Hoàng Giang, CFA
Email: giangnh@ssi.com.vn
SĐT: +84-24 3936 6321 ext. 8703

Khuyến nghị: **TRUNG LẬP**
Giá mục tiêu 1Y: **18.300 Đồng**
Giá CP ngày 17/06/2025: 16.900 Đồng
% Tăng giá: **+8,3%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 397
Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 10.122
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 621
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 7.439.953
Giá cao/thấp nhất 52T (NĐ): 24,6/12,5
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 115,1
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 8,8
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 0,0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

CTCP tập đoàn Hoa Sen (HSG) sản xuất tôn mạ (chiếm 56% doanh thu 2015), thép dày mạ kẽm và ống thép (42%), và ống nhựa (2%). Trong các công ty thép, HSG có mạng lưới bán hàng và thương hiệu mạnh nhất. Năm 2014, công ty chiếm 37% thị phần tôn mạ (xếp thứ nhất) và 18% thị phần ống thép (xếp thứ 2) tại Việt Nam.

Cập nhật KQKD tháng 5/2025, Điều chỉnh tăng dự phóng

KQKD tháng 5/2025: Trong tháng 5/2025, Tập đoàn Hoa Sen (HSG) ghi nhận sản lượng tiêu thụ tôn mạ đạt 157.000 tấn, giảm 2,7% so với tháng trước và giảm 13% svck. Giá bán bình quân ổn định ở mức 20,1 triệu đồng/tấn. Doanh thu/tháng đạt 3,2 nghìn tỷ đồng, trong khi lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 104 tỷ đồng, tăng 17% so với tháng trước. Điều này đã giúp biên lợi nhuận ròng cải thiện lên 3,2%, nhờ việc kiểm soát chi phí tốt hơn và khả năng cạnh tranh mạnh mẽ của sản phẩm HSG trên thị trường nội địa.

Cập nhật ngành thép Việt Nam: Tổng sản lượng tiêu thụ thép tại Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2025 đạt 10,4 triệu tấn, tăng 11,2% svck, vượt kỳ vọng ban đầu của ngành. Mức tăng trưởng này đến từ việc đẩy mạnh đầu tư công, sự phục hồi của thị trường bất động sản và giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ổn định. Đáng chú ý, tiêu thụ tôn mạ trong nước (không bao gồm xuất khẩu) tăng mạnh 36% svck, cho thấy nhu cầu nội địa tăng cao.

Luận điểm đầu tư: Chúng tôi duy trì khuyến nghị TRUNG LẬP đối với cổ phiếu HSG, và điều chỉnh giá mục tiêu lên 18.300 đồng/cổ phiếu (từ 18.000 đồng/cổ phiếu), phản ánh ước tính LNST năm 2025 đạt 701 tỷ đồng, tăng 37,4% svck (dự báo trước là 604 tỷ đồng).

Rủi ro: Giá HRC tăng mạnh; nhu cầu tôn mạ trong nước giảm do cạnh tranh gay gắt hơn so với dự kiến.

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	48.727	49.711	31.651	39.272	39.381	41.550
<i>Tăng trưởng doanh thu thuần</i>	<i>77,0%</i>	<i>2,0%</i>	<i>-36,3%</i>	<i>24,1%</i>	<i>0,3%</i>	<i>5,5%</i>
Lợi nhuận gộp	8.873	4.939	3.058	4.253	4.613	4.920
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	<i>18,2%</i>	<i>9,9%</i>	<i>9,7%</i>	<i>10,8%</i>	<i>11,7%</i>	<i>11,8%</i>
Thu nhập tài chính	366	267	233	342	315	332
Chi phí tài chính	-552	-521	-314	-254	-256	-269
SG&A	-3.770	-4.355	-2.875	-3.840	-3.844	-4.055
Thu nhập ròng khác	-2	51	50	41	47	50
Lợi nhuận trước thuế	4.915	381	152	541	876	978
Lợi nhuận ròng	4.313	251	28	510	701	782
<i>Tăng trưởng lợi nhuận ròng</i>	<i>274,1%</i>	<i>-94,2%</i>	<i>-88,7%</i>	<i>1697,9%</i>	<i>37,4%</i>	<i>11,6%</i>
<i>Biên lợi nhuận ròng</i>	<i>8,9%</i>	<i>0,5%</i>	<i>0,1%</i>	<i>1,3%</i>	<i>1,8%</i>	<i>1,9%</i>
EPS (VND)	8.741	420	46	828	1.138	1.270

Nguồn: HSG, SSI Research

Tập đoàn Hoa Sen (HSG) đã công bố kết quả kinh doanh tháng 5/2025, dưới đây là một số điểm chính cùng với cập nhật về ngành thép Việt Nam. Sau KQKD 8 tháng đầu niên độ tài chính (NĐTC) 2025, chúng tôi điều chỉnh một số ước tính để phản ánh những diễn biến mới kể từ lần cập nhật trước.

KQKD tháng 5/2025: Trong tháng 5, HSG đã bán 157.000 tấn tôn mạ, giảm 2,7% so với tháng trước và giảm 13% svck, với giá bán bình quân ổn định ở mức 20,1 triệu đồng/tấn. Công ty ghi nhận doanh thu đạt 3,2 nghìn tỷ đồng và LNST đạt 104 tỷ đồng, tăng 17% so với tháng trước, giúp nâng biên lợi nhuận ròng lên 3,2%. Đây là sự cải thiện đáng kể so với biên lợi nhuận 1,3% trong NĐTC 2024 và 2,0% trong 6 tháng đầu NĐTC 2025.

Đáng chú ý, LNST bình quân trong tháng 4–5/2025 cao hơn 2% so với mức bình quân hàng tháng trong Q3/NĐTC 2024 (từ tháng 4–6/2024). Chúng tôi cho rằng sự mở rộng biên lợi nhuận này đến từ việc kiểm soát chi phí tốt hơn và khả năng cạnh tranh mạnh mẽ của sản phẩm HSG trên thị trường nội địa.

Trong 5 tháng đầu năm 2025, giá thép cuộn cán nóng (HRC) ổn định quanh mức 500 USD/tấn (CFR Việt Nam), thấp hơn khoảng 8% so với giá trung bình năm 2024 là 540 USD/tấn. Trong khi đó, giá bán bình quân chỉ giảm 2% svck, góp phần hỗ trợ cải thiện biên lợi nhuận — vượt kỳ vọng trước đó của chúng tôi về sự cạnh tranh gay gắt hơn trên thị trường tôn mạ trong nước.

KQKD 8 tháng đầu NĐTC 2025 (từ tháng 10/2024 đến tháng 5/2025): Trong 8 tháng đầu NĐTC 2025, HSG đã bán được 1,3 triệu tấn tôn mạ, hoàn thành 65% kế hoạch cao nhất của công ty và 72% dự báo sản lượng của chúng tôi. Nếu duy trì tốc độ này, sản lượng cả năm dự kiến đạt 1,9 triệu tấn (đi ngang svck), vượt 7,6% dự báo của chúng tôi và gần đạt kế hoạch cao nhất là 1,95 triệu tấn đã đặt tại ĐHĐCĐ.

LNST 8 tháng đầu NĐTC 2025 của HSG đạt 567 tỷ đồng, vượt kế hoạch cả năm là 500 tỷ đồng và gần đạt mức ước tính trước đó của chúng tôi là 604 tỷ đồng.

Cập nhật ngành thép

Theo dữ liệu từ Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), tổng sản lượng tiêu thụ thép tại Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2025 đạt 10,4 triệu tấn, tăng mạnh 11,2% svck. Trong đó:

- Thép cuộn cán nóng (HRC) dẫn đầu với mức tăng 19% svck
- Thép cuộn cán nguội (CRC) tăng 18% svck
- Thép xây dựng và ống thép đều tăng 14% svck
- Tôn mạ là phân khúc duy nhất giảm, -9% svck, chủ yếu do các biện pháp bảo hộ thương mại tại các thị trường xuất khẩu chính trong năm 2024

Tuy nhiên, nhu cầu nội địa đối với tôn mạ vẫn tăng mạnh, với sản lượng tiêu thụ trong nước tăng 36% svck, cho thấy khả năng hấp thụ tốt của thị trường trước sự sụt giảm xuất khẩu. Mức tăng trưởng này được hỗ trợ bởi sự phục hồi của thị trường bất động sản và tiến độ giải ngân đầu tư công được đẩy nhanh.

Thị trường tôn mạ: Trong 4 tháng đầu năm 2025, tổng sản lượng tiêu thụ tôn mạ đạt 1,6 triệu tấn, giảm 9,5% svck. Đáng chú ý:

- Sản lượng xuất khẩu giảm mạnh 40% svck, phản ánh tác động của các rào cản thương mại quốc tế
- Sản lượng tiêu thụ nội địa tăng mạnh 36% svck, bù đắp phần lớn sự sụt giảm xuất khẩu

Sự chuyển dịch này một phần được hỗ trợ từ các biện pháp chống bán phá giá tạm thời áp dụng trong tháng 4/2025 đối với tôn mạ nhập khẩu từ Trung Quốc và Hàn Quốc, giúp củng cố vị thế của các nhà sản xuất nội địa.

Các yếu tố thúc đẩy nhu cầu nội địa bao gồm:

- Thị trường bất động sản phục hồi, nhờ lãi suất thấp và giá thép hợp lý góp phần thúc đẩy nhu cầu xây dựng nhà ở;
- Dòng vốn FDI ổn định, duy trì nhu cầu xây dựng công nghiệp

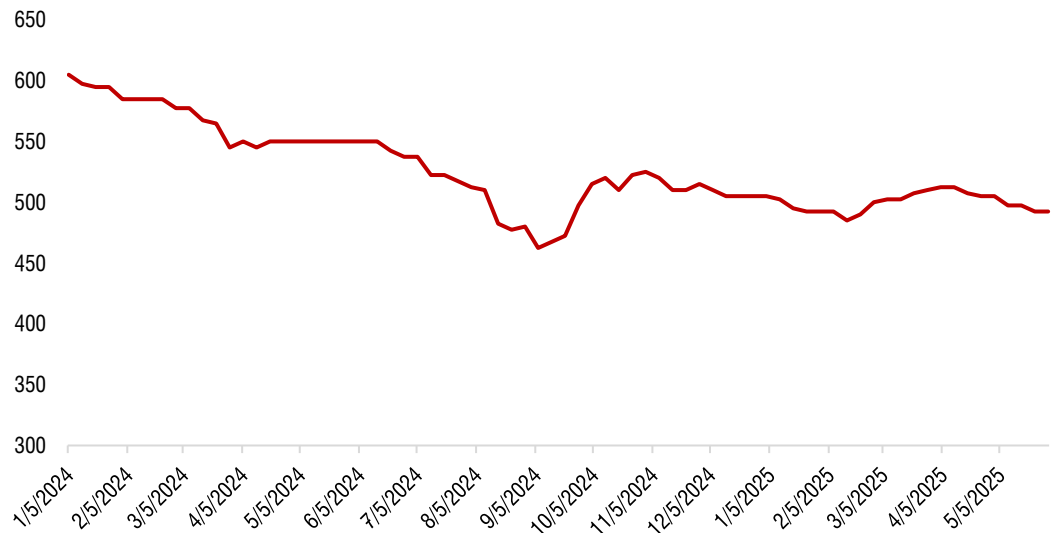
Thị trường HRC: Giá HRC tại Việt Nam duy trì ổn định ở mức thấp, ngay cả sau khi áp dụng thuế chống bán phá giá đối với HRC nhập khẩu từ Trung Quốc. Trong 5 tháng đầu năm 2025, giá HRC trung bình đạt khoảng 500 USD/tấn (CFR Việt Nam), thấp hơn khoảng 8% so với giá trung bình năm 2024 là 540 USD/tấn.

Mức giá ổn định này chủ yếu nhờ vào giá của các nguyên liệu đầu vào chính sụt giảm, bao gồm:

- Than cốc: giảm 20% svck
- Quặng sắt: Giảm 8% svck

Giá đầu vào thuận lợi đã giúp duy trì mức giá cạnh tranh và hỗ trợ biên lợi nhuận trong toàn chuỗi giá trị ngành thép.

Giá giao ngay thép cuộn cán nóng (HRC) tại Việt Nam theo điều kiện CFR (USD/tấn)



Nguồn: SSI Research

Điều chỉnh ước tính

Sau khi HSG công bố kết quả doanh thu 8 tháng đầu NĐTC 2025, chúng tôi đã điều chỉnh tăng dự báo sản lượng tiêu thụ cả năm lên 1,9 triệu tấn (đi ngang svck), tăng từ 1,75 triệu tấn theo ước tính trước của chúng tôi (tương đương mức giảm 8% svck), phản ánh đã tiêu thụ mạnh hơn kỳ vọng. Theo đó, chúng tôi cũng điều chỉnh tăng dự báo doanh thu và lợi nhuận NĐTC 2025 như sau:

- Doanh thu: 39,3 nghìn tỷ đồng (tăng từ 38,8 nghìn tỷ đồng), tương đương mức giảm 1,3% svck
- LNST: 701 tỷ đồng, tăng 37,4% svck (dự báo trước là 604 tỷ đồng).

Việc điều chỉnh tăng phản ánh kết quả sản lượng cải thiện và khả năng duy trì biên lợi nhuận, củng cố quan điểm tích cực của chúng tôi về năng lực vận hành của HSG trong bối cảnh thị trường nội địa đang phục hồi.

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	48.727	49.711	31.651	39.272	39.381	41.550
<i>Tăng trưởng doanh thu thuần</i>	<i>77,0%</i>	<i>2,0%</i>	<i>-36,3%</i>	<i>24,1%</i>	<i>0,3%</i>	<i>5,5%</i>
Lợi nhuận gộp	8,873	4,939	3,058	4,253	4,613	4,920
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	<i>18,2%</i>	<i>9,9%</i>	<i>9,7%</i>	<i>10,8%</i>	<i>11,7%</i>	<i>11,8%</i>
Thu nhập tài chính	366	267	233	342	315	332
Chi phí tài chính	-552	-521	-314	-254	-256	-269
SG&A	-3.770	-4.355	-2.875	-3.840	-3.844	-4.055
Thu nhập ròng khác	-2	51	50	41	47	50
Lợi nhuận trước thuế	4.915	381	152	541	876	978
Lợi nhuận ròng	4.313	251	28	510	701	782
<i>Tăng trưởng lợi nhuận ròng</i>	<i>274,1%</i>	<i>-94,2%</i>	<i>-88,7%</i>	<i>1697,9%</i>	<i>37,4%</i>	<i>11,6%</i>
<i>Biên lợi nhuận ròng</i>	<i>8,9%</i>	<i>0,5%</i>	<i>0,1%</i>	<i>1,3%</i>	<i>1,8%</i>	<i>1,9%</i>
EPS (VND)	8.741	420	46	828	1.138	1.270

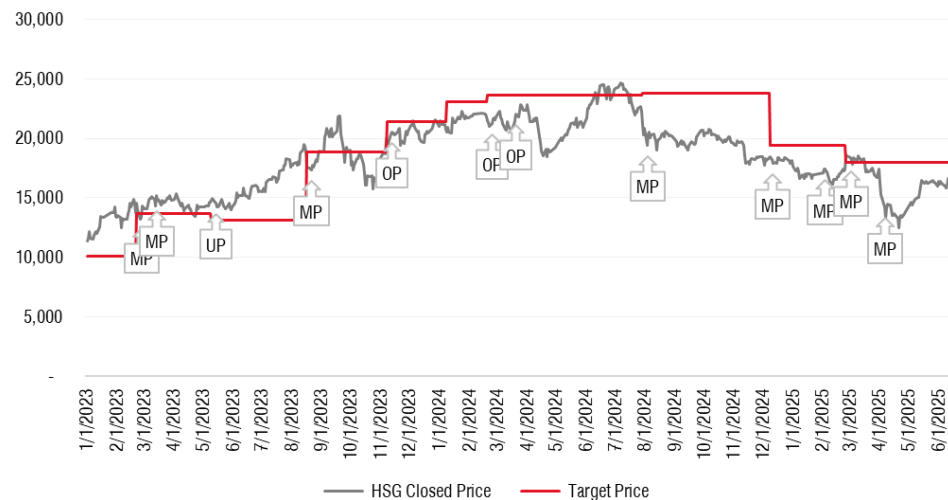
Nguồn: SSI Research

Luận điểm đầu tư

Tại mức giá hiện nay, HSG hiện đang giao dịch với hệ số P/E dự phóng năm 2025 là 14x và EV/EBITDA là 6x. Chúng tôi tăng nhẹ giá mục tiêu 1 năm cho HSG lên 18.300 đồng/cổ phiếu (từ 18.000 đồng/cổ phiếu) để phản ánh việc điều chỉnh tăng dự báo lợi nhuận năm 2025. Với tiềm năng tăng giá là 8,3%, chúng tôi duy trì khuyến nghị TRUNG LẬP. Tuy nhiên, với kỳ vọng kết quả kinh doanh Q3/NDTC 2025 tích cực, nhà đầu tư có thể xem xét mua khi giá điều chỉnh xuống mức hấp dẫn hơn.

Rủi ro: Giá HRC tăng mạnh; Nhu cầu tôn mạ trong nước giảm do cạnh tranh gay gắt hơn so với dự kiến

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	597	602	1.289	2.279
+ Đầu tư ngắn hạn	26	30	0	0
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2.328	2.986	2.686	2.834
+ Hàng tồn kho	7.613	9.704	8.727	9.194
+ Tài sản ngắn hạn khác	701	844	834	880
Tổng tài sản ngắn hạn	11.265	14.166	13.536	15.186
+ Các khoản phải thu dài hạn	143	215	217	229
+ GTCL Tài sản cố định	5.020	4.111	3.624	3.103
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	530	664	664	664
+ Đầu tư dài hạn	1	1	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	389	407	389	410
Tổng tài sản dài hạn	6.083	5.397	4.893	4.405
Tổng tài sản	17.347	19.563	18.429	19.592
+ Nợ ngắn hạn	6.553	8.633	7.106	7.487
Trong đó: vay ngắn hạn	2.936	5.364	3.824	4.029
+ Nợ dài hạn	16	16	16	16
Trong đó: vay dài hạn	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	6.569	8.649	7.122	7.503
+ Vốn góp	6.160	6.160	6.160	6.160
+ Thặng dư vốn cổ phần	157	157	157	157
+ Lợi nhuận chưa phân phối	4.367	4.528	4.921	5.703
+ Quỹ khác	94	67	67	67
Vốn chủ sở hữu	10.778	10.912	11.305	12.088
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	17.347	19.562	18.427	19.590
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	1.866	-1.418	3.034	1.284
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-350	-721	-499	-500
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-1.251	2.142	-1.848	205
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	265	4	687	989
Tiền đầu kỳ	330	597	602	1.289
Tiền cuối kỳ	597	602	1.289	2.279
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,72	1,64	1,90	2,03
Hệ số thanh toán nhanh	0,45	0,42	0,56	0,68
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,10	0,07	0,18	0,30
Nợ ròng / EBITDA	2,10	2,13	1,82	1,00
Khả năng thanh toán lãi vay	1,78	5,07	7,55	7,93
Ngày phải thu	17,5	19,2	21,2	20,7
Ngày phải trả	25,1	27,2	24,4	23,8
Ngày tồn kho	95,7	90,2	96,7	89,3
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,62	0,56	0,61	0,62
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,38	0,44	0,39	0,38
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,61	0,79	0,63	0,62
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,27	0,49	0,34	0,33
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,27	0,49	0,34	0,33

Nguồn: HSG, SSI dự báo

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	31.651	39.272	39.381	41.550
Giá vốn hàng bán	-28.593	-35.018	-34.767	-36.630
Lợi nhuận gộp	3.058	4.253	4.613	4.920
Doanh thu hoạt động tài chính	233	342	315	332
Chi phí tài chính	-314	-254	-256	-269
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-2.477	-3.345	-3.347	-3.532
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-398	-496	-496	-524
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	102	500	829	928
Thu nhập khác	50	41	47	50
Lợi nhuận trước thuế	152	541	876	978
Lợi nhuận ròng	28	510	701	782
Lợi nhuận chia cho cổ đông	28	510	701	782
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	46	828	1.138	1.270
Giá trị sổ sách (VND)	17.472	17.689	18.327	19.597
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	500	500	500	0
EBIT	347	674	1.010	1.119
EBITDA	1.478	1.664	1.997	2.139
Tăng trưởng				
Doanh thu	-36,3%	24,1%	0,3%	5,5%
EBITDA	-17,9%	12,6%	20,0%	7,1%
EBIT	-45,8%	94,1%	49,9%	10,8%
Lợi nhuận ròng	-88,7%	1697,9%	37,4%	11,6%
Vốn chủ sở hữu	-1,0%	1,2%	3,6%	6,9%
Vốn điều lệ	3,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	1,9%	12,8%	-5,8%	6,3%
Định giá				
P/E	435,0	33,7	14,3	12,8
P/B	1,1	1,6	0,9	0,8
Giá/Doanh thu	0,4	0,4	0,3	0,2
Tỷ suất cổ tức	2,5%	1,8%	3,1%	0,0%
EV/EBITDA	9,9	13,2	6,3	5,9
EV/Doanh thu	0,5	0,6	0,3	0,3
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	9,7%	10,8%	11,7%	11,8%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	0,9%	1,6%	2,4%	2,6%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	0,1%	1,3%	1,8%	1,9%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	7,8%	8,5%	8,5%	8,5%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	1,3%	1,3%	1,3%	1,3%
ROE	0,3%	4,7%	6,3%	6,7%
ROA	0,2%	2,8%	3,7%	4,1%
ROIC	0,5%	4,2%	5,1%	5,7%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3824 2897 ext. 6732

Phân tích Ngành Thép

Nguyễn Hoàng Giang

Trưởng phòng Phân tích

giangnh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8703

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702